TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2025/DS-ST
Ngày: 29/8/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

2/ Ông Phạm Bá Chương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2025/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1262/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Trụ sở: Số B đường N, phường X (trước đây là phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thạch T - sinh năm 1999

Địa chỉ liên lạc: Số B đường N, phường X (trước đây là phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 8930/2024/UQ-TGĐ ngày 05/12/2024 của Công ty TNHH một thành viên quản lý và Khai thác tài sản Ngân hàng S và giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S)

2/ Bị đơn: Ông Phạm D - sinh năm 1986

Địa chỉ: Số F Quốc lộ E, Khu phố B, phường P (trước đây là phường P, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2024 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 10/8/2012, ông Phạm D có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông D, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic, số thẻ xxxxxxxx với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch từ ngày 10/9/2012 đến ngày 10/10/2019 với tổng số tiền là 23.373.782 đồng và thanh toán không đầy đủ cho ngân hàng từ ngày 10/10/2012 đến ngày 10/4/2020 được số tiền là 22.331.070 đồng (bao gồm cả vốn gốc, lãi, phí ...). Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông D không trả nợ. Do ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/8/2020 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến thời điểm ngày 29/8/2025 thì ông D còn nợ số tiền 31.302.868 đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.210.838 đồng, lãi quá hạn là 22.092.030 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2025 là 31.302.868 đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.210.838 đồng, lãi quá hạn là 22.092.030 đồng. Ông D còn có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Số tiền Ngân hàng cho vay là chỉ cho cá nhân ông D vay nên nay ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông D trả nợ.

Ngày 22/3/2025, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Ông Phạm D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ông D xác định nơi đăng ký thường trú và cư trú tại số F Quốc lộ E, Khu phố A, phường P, Quận I (nay là Khu phố B, phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại Công an phường P thì ông D không thực tế cư trú và không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ số F Quốc lộ E, Khu phố B, phường P. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu vắng mặt, ông Phạm D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn ông Phạm D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 10/8/2012 ông D đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng (bao gồm bản điều khoản và điều kiện cấp thẻ) và Ngân hàng đã cấp cho ông D thẻ tín dụng VS payWave Cre

Classic, số thẻ xxxxxxxx với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch từ ngày 10/9/2012 đến ngày 10/10/2019 với tổng số tiền là 23.373.782 đồng và chỉ thanh toán cho ngân hàng từ ngày 10/10/2012 đến ngày 10/4/2020 được số tiền là 22.331.070 đồng (bao gồm cả vốn gốc, lãi, phí ...). Sau đó ngưng không thanh toán cho đến nay. Số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 là 31.302.868 đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.210.838 đồng, lãi quá hạn là 22.092.030 đồng. Do ông D đã vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên nay Ngân hàng yêu cầu ông D thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 là 31.302.868 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, ông D còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.565.143 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Buộc ông Phạm D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 của hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 10/8/2012, loại thẻ VS payWave Cre Classic, số thẻ xxxxxxxx với số tiền dư nợ gốc là 9.210.838 (chín triệu hai trăm mười ngàn tám trăm ba mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 22.092.030 (hai mươi hai triệu không trăm chín mươi hai ngàn không trăm ba mươi) đồng. Tổng số tiền ông Phạm D phải trả là 31.302.868 (ba mươi mốt triệu ba trăm lẻ hai ngàn tám trăm sáu mươi tám) đồng.

Kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Duy C phải chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký nêu trên.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm D phải nộp 1.565.143 (một triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 699.352 (sáu trăm chín mươi chín ngàn ba trăm năm mươi hai) đồng Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0079311 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định

tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy